

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày 18/4/ 2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Hòa .

2. Ông Hoàng Văn Ngân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Thế Trung – Là thư ký của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** thành phố L, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:  
Bà Hoàng Thị Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2021/TLST-DS ngày 04/10/2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐST-DS ngày 27/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST – DS ngày 24/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST – DS ngày 18/3/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Phạm Ngọc Q

Địa chỉ: Số nhà 145B, đường Đăng Châu, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt

*2. Bị đơn:* Chị Khương Thị Th

Địa chỉ: Tổ 29, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Anh Tuấn

Địa chỉ: Số nhà 145B, đường Đăng Châu, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Anh Tuấn: Chị Phạm Ngọc Q.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết với chị Khương Thị Th, ngày 22/11/2019 chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Anh Tuấn có cho chị Khương Thị Th vay số tiền là 600.000.000 đồng bằng hợp đồng vay tiền mặt. Số công chứng: 3465, quyền số: 09 TP/CC – SCC/HDGD tại phòng công chứng Lê Hiền tỉnh Lào Cai. Sau đó chị Th vay rất nhiều khoản nhỏ bên ngoài hợp đồng, cụ thể những lần vay như sau:

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 chị Th vay khoản 100.000.000 đồng chẵn chị Q chuyển tiền vào số tài khoản 19021443016013 Ngân hàng Techcombank chủ tài khoản Khương Thị Th, đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 chị Th chuyển khoản trả lại cho chị Q 100.000.000 đồng vào số tài khoản của chị Q 100812269999 Ngân hàng Viettinbank.

Ngày 3 tháng 7 năm 2020 chị Th lại hỏi vay chị Q 20.000.000 đồng và chị Q chuyển khoản vào tài khoản 19021443016013 Ngân hàng Techcombank chủ tài khoản là Khương Thị Th; Ngày 7/7/2020 chị Q chuyển cho chị Th 30.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Techcombank 19021443016013 ; Ngày 11/7/2022 chị Q chuyển cho chị Th 50.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Techcombank 19021443016013; Ngày 15/7/2020 chị Q chuyển cho chị Th vay 50.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Techcombank 19021443016013; Ngày 6/8/2020 chị Q chuyển cho chị Th 30.000.000 đồng vào tài khoản 7990199099999 Ngân MB Bank chủ tài khoản Khương Thị Th. Đến ngày 25/8/2020 chị Th mới trả cho chị Q được 30.000.000 đồng.

Ngày 24/9/2020 chị Th vay thêm của chị Q 30.000.000 đồng chuyển vào tài khoản Ngân hàng MB Bank của chị Th; Ngày 12/10/2020 chị Th vay của chị Q 21.350.000 đồng vào tài khoản 7990199099999 Ngân hàng MB Bank chủ tài khoản Khương Thị Th; Đến ngày 21/10/2020 chị Th chuyển trả chị Q 30.000.000 đồng; Ngày 27/10/2020 chị Th chuyển trả chị Q 50.000.000 đồng, ngày 2/11/2020 chị Th trả chị Q 20.000.000 đồng.

Từ Ngày 03 tháng 11 năm 2020 đến nay chị Th không chuyển cho chị Q thêm khoản nào nữa. Đến ngày 27/12/2020 chị Th qua nhà chị Q để viết chốt lại giấy nợ thêm tổng 200.000.000 đồng. Như vậy là chị Th nợ vợ chồng chị Q tổng 800.000.000 đồng chẵn. Lãi xuất 0,8%/ 1 tháng = 6,400,000/1 tháng, chị Q yêu cầu chị Th thanh toán cả khoản lãi tính từ ngày 11/2/2021 đến ngày 11/9/2021 là 7 tháng, cụ thể là 7 tháng x 6,400,000 đồng = 44,800,000 đồng (bốn mươi bốn

triệu tám trăm nghìn đồng chẵn). Chị Q đã gặp và yêu cầu chị Khương Thị Th rất nhiều lần trả cho chị Q tổng số tiền là 800.000.000 đồng( tám trăm triệu đồng). Vào ngày 27/12/2020 chị Th viết giấy hẹn chị Q ngày 12/2/2021 và ngày 17/3/2021 trả tiền cho chị Q nhưng chị cũng khát nợ và hứa hẹn rất nhiều lần nhưng đều chưa thực hiện đúng theo như hợp đồng cũng như giấy vay tiền. Ngày 20/7/2021 chị Q đã gửi giấy thông báo trả nợ đến cho chị Khương Thị Th.

Ngày 18/11/2021 chị Th có đơn không đồng ý với kết quả hòa giải thành ngày 15/11/2021 tại Tòa án vì vậy chị Q yêu cầu tính lãi theo đúng quy định pháp luật không tính lãi cho chị Th như tại biên bản hòa giải thành nữa

Đến nay nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc chị Khương Thị Th phải trả cho chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Anh Tuấn số tiền gốc là: 800.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/11/2019 cho đến khi mở phiên tòa sơ thẩm.

### ***Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn trình bày:***

Ngày 23/11/2019, chị Khương Thị Th có vay của chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Anh Tuấn số tiền là 600.000.000 đồng, theo Hợp đồng vay tiền ngày 23/11/2019 được công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng Lê Hiền, việc vay hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Nội dung thỏa thuận vay tiền giữa chị Th và anh Tuấn, chị Q theo như nội dung văn bản Hợp đồng vay tiền ngày 23/11/2019, chị Q đã nộp cho Tòa án, theo đó: Chị Th vay số tiền gốc là 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 năm, lãi suất được ghi trong hợp đồng là các bên tự thỏa thuận, không ghi cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu, tuy nhiên giữa chị Th và bên cho vay có thỏa thuận miệng với nhau theo mức lãi suất 1.000 đồng/01 triệu/01 ngày; Việc vay không có tài sản đảm bảo; Mục đích vay tiền là để tôi đầu tư kinh doanh riêng của chị Th. Tuy nhiên hợp đồng vay tiền ngày 23/11/2019 thực tế là việc chốt nợ số tiền vay giữa chị Th và chị Q, anh Tuấn từ tháng 10/2018 cho đến thời gian là ngày 23/11/2019, mỗi lần chị Th vay một khoản nhỏ từ 50.000.000 đồng ; 100.000.000 đồng lúc vay rồi trả, chị Th không nhớ rõ, chỉ nhớ thời điểm ký hợp đồng vay tiền ngày 23/11/2019, chị Th và chị Q, anh Tuấn đối chiếu công nợ và chị Th thừa nhận là còn nợ chị Q, anh Tuấn số tiền gốc là 600.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện việc vay tiền, chốt nợ lại vào ngày 23/11/2019 cho đến nay, chị Th chưa thanh toán được bất kỳ khoản tiền gốc nào, tuy nhiên từ thời điểm vay vào tháng 11/2019 cho đến tháng 5/2021, chị Th đã trả lãi đều hàng tháng với mức lãi suất là: 1.000 đồng/01 triệu/01 ngày đối với số tiền gốc vay là 600.000.000 đồng từ tháng 12/2019 cho đến tháng 4/2021. Hàng tháng đều trả đủ lãi, mỗi tháng chị Th chuyển trả nhiều lần mỗi lần một vài triệu cho đến khi trả đủ lãi của tháng đó. Hiện nay tổng số tiền lãi chị Th đã trả cho chị Q, anh Tuấn

hàng tháng là bao nhiêu tiền chị Th không nhớ được, tuy nhiên mỗi lần trả lãi, chị Th đều trả qua ngân hàng cho chị Q, anh Tuấn.

Đến ngày 27/12/2020 cả hai bên thống nhất viết giấy vay tiền đề ngày 27/12/2020 xác nhận khoản vay số tiền 200.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận cả khoản vay trước 600.000.000 đồng, tổng số tiền gốc đã vay là 800.000.000 đồng và đồng thời thỏa thuận thời hạn trả vay, khi nào chị Q cần đòi tiền phải thông báo trước cho chị Th 30 ngày. Việc vay số tiền 200.000.000 đồng trước đây đều không có giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận vay miệng với nhau. Về thời hạn vay khi nào chị Q, anh Tuấn cần thì phải thông báo trước cho chị Th trả tiền trước 30 ngày, lãi suất vay đối với khoản vay 200.000.000 đồng, giữa chị Th và chị Q, anh Tuấn đã thỏa thuận: 50 triệu đồng gốc lãi suất là 3000 đồng/01 triệu/01 ngày; số tiền 150 triệu đồng gốc lãi suất là 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Chị Th chưa trả được bất kỳ tiền gốc nào đối với số tiền 200.000.000 đồng, tuy nhiên chị Th cũng đều đã trả tiền lãi vay theo mức lãi suất như trên cho chị Q từ khoảng thời gian tháng 12/2019 cho đến tháng 4/2021 đầy đủ, tổng số tiền đã trả lãi thì hiện nay chị Th không nhớ đã trả được bao nhiêu, chỉ trả qua ngân hàng.

Ngày 15/11/2021 Tòa án nhân dân thành phố L tiến hành hòa giải giữa các đương sự, kết quả Hòa giải chị Khương Thị Th chấp nhận thanh toán khoản nợ gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi 44,800,000 đồng, tiền án phí theo quy định của Pháp luật. Đến ngày 18/11/2021 chị Th có đơn không đồng ý với kết quả hòa giải thành ngày 15/11/2021 tại Tòa án với lý do: Sau khi hòa giải thành tại Tòa án về, chị Th suy nghĩ lại và thấy rằng, bản thân mình chỉ vay của chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Anh Tuấn số tiền gốc là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) từ khoảng năm 2018, không phải khoản vay 800.000.000 đồng tiền nợ gốc như yêu cầu khởi kiện của chị Q và anh Tuấn.

Về nguồn gốc khoản vay 200.000 đồng: Khoảng tháng 10/2018, chị Th có vay của chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Anh Tuấn số tiền là 200 triệu đồng, vay đầu tư kinh doanh riêng. Việc vay có viết thành giấy vay tiền (Giấy vay tiền này chị Q cầm, chị Th không nắm giữ bản nào), theo đó chị Th và chị Q, anh Tuấn thỏa thuận, chị Th vay số tiền 200.000.000 đồng, thời gian vay từ tháng 10/2018 cho đến khi chị Q, anh Tuấn yêu cầu trả sẽ phải thông báo trước cho chị Th để chị Th thu xếp. Lãi suất thỏa thuận bằng 3000 đồng/01 triệu/01 ngày (Việc thỏa thuận lãi suất chỉ thỏa thuận miệng, không được ghi vào giấy vay). Sau đó chị Th đã nhận đủ số tiền vay là 200 triệu đồng, sau đó khoảng thời gian từ tháng 10/2018 cho đến nay, chị Th có tháng trả được lãi có tháng không trả lãi được cho chị Q, anh Tuấn, chưa trả được bất kỳ khoản vay gốc nào. Đến nay, số tiền lãi đối với khoản vay trên, chị Th không nhớ là đã chuyển bao nhiêu cho chị Q, anh Tuấn.

Đơn trình bày (không đề ngày) của chị Khương Thị Th, gửi qua đường bưu điện đến thành phố L ngày 23/10/2021: Biên bản lấy lời khai tại Tòa án ngày

29/10/2021 và phần trình bày của chị Th trong buổi hòa giải ngày 15/11/2021, chị Th khẳng định là ý kiến quan điểm của chị Th. Tuy nhiên, lý do trước đây chị Th thừa nhận có vay số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng của chị Q, anh Tuấn là do: Do chị Th bị chị Q và anh Tuấn ép buộc, cưỡng ép, do chị Th không trả được số tiền gốc và lãi của khoản vay 200.00.000 đồng, sau đó cộng dồn cả gốc và lãi là 600.000.000 đồng. Do vậy chị Q, anh Tuấn ép chị Th ký hợp đồng vay công chứng, chứng thực thừa nhận vay số tiền là 600.000.000 đồng, theo hợp đồng vay tiền chị Q đã nộp cho Tòa án. Trường hợp chị Th không ký nhận theo yêu cầu của chị Q, anh Tuấn, anh chị sẽ nói với chồng chị Th về khoản vay này, đồng thời báo cáo lên cơ quan, đơn vị nơi chị Th đang làm việc. Do vậy, vì sợ nên chị Th đã đồng ý ký vào hợp đồng vay tiền mặt được công chứng, chứng thực ngày 23/11/2019.

Đối với Giấy vay tiền mặt được viết tay trên khổ giấy ô ly ghi ngày 27/12/2020 do chị Q nộp tại Tòa án, chị Th thừa nhận là do chị viết và ký giấy vay này. Lý do chị viết giấy vay do sau khi ký hợp đồng vay tiền mặt được công chứng, chứng thực ngày 23/11/2019 số tiền vay là 600.000.000 đồng, chị Th tiếp tục không có khả năng trả lãi và gốc đối với số tiền đó nữa. Do vậy, đến khoảng tháng 12/2020, số tiền lãi theo theo hợp đồng này là khoảng 200.000.000 đồng. Vì vậy, anh Tuấn, chị Q một lần nữa lại ép buộc chị Th, bắt chị Th viết giấy tiền thừa nhận khoản vay 600.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền trước đó, và khoản lãi là 200.000.000 đồng là tiền vay gốc, tổng cộng số tiền gốc chị Q, anh Tuấn bắt chị Th nhận là 800.000.000 đồng. Việc chị Q, anh Tuấn cưỡng ép chị Th, buộc chị Th phải ký giấy vay tiền, hợp đồng vay tiền chị Th đã trình bày chủ yếu qua gọi điện thoại, tin nhắn đe dọa chị Th. Tin nhắn này chị Th đều đã xóa (Do sợ chồng chị Th biết) chỉ giữ lại 01 tin nhắn chị Q nhắn tin đe dọa chị Th, chị Th đã giao nộp cho Tòa án, ngoài ra không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để giao nộp cho Tòa án về việc anh Tuấn, chị Q đe dọa, cưỡng ép chị Th.

Quan điểm của bị đơn chị Khương Thị Th không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chỉ chấp nhận trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng cho anh Hoàng Anh Tuấn và chị Phạm Ngọc Q.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Anh Tuấn ủy quyền toàn bộ cho chị Phạm Ngọc Q yêu cầu Tòa án buộc chị Khương Thị Thủy thanh toán khoản nợ vợ chồng anh chị tiền gốc là: 800,000,000 ( tám trăm triệu đồng chẵn), và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/11/2019 cho đến khi phiên mở phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng

dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của hợp đồng vay tài sản:

Ngày 23/11/2019 chị Khương Thị Th có vay của chị Phạm Ngọc Qvà anh Hoàng Anh Tuấn số tiền 600.000.000 đồng( *Sáu trăm triệu đồng*), mục đích vay làm ăn kinh doanh cá nhân, khi vay hai bên có làm Hợp đồng vay tài sản tại Văn phòng công chứng Lê Hiền; Lãi suất tự thỏa thuận; Thời hạn vay 03 năm được tính kể từ ngày 22/11/2019. Trong trường hợp anh Hoàng Anh Tuấn và chị Phạm Ngọc Qkhông có nhu cầu cho vay nữa thì thông báo trước 30 ngày cho chị Th.

Ngày 27/12/2020 chị Th tiếp tục vay của chị Phạm Ngọc Qvà anh Hoàng Anh Tuấn số tiền 200.000.000 đồng ( *Hai trăm triệu đồng*) và có chốt số nợ cũ 600.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 23/11/2019 tổng là 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*)

Căn cứ vào những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời khai của bị đơn và lời khai của người liên quan xác định: Hợp đồng vay tiền ngày 23/11/2019 là Hợp đồng được lập tại Văn phòng công chứng Lê Hiền trước sự chứng kiến của công chứng viên chị Th ký và điểm chỉ vào Hợp đồng vay tiền; Hợp đồng vay tiền ngày 27/12/2020 chị Khương Thị Th cũng khẳng định chữ viết và chữ ký là của mình, do bị ép buộc nên chị mới chốt số tiền nợ với Hợp đồng công chứng ngày 23/11/2019 vay thêm số tiền 200.000.000 đồng tổng số tiền vay là 800.000.000 đồng. Vì vậy xác định đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ngọc Qbộc chị Khương Thị Th thanh toán số tiền theo đúng giấy vay tiền ngày 23/11/2019 và ngày 27/12/2020 do chị Th ký vay tiền và có hẹn ngày trả nhưng chị Th không trả như thỏa thuận vì vậy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của

chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Tuấn Anh, nên việc chị Q khởi kiện buộc chị Khương Thị Th có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Anh Tuấn số tiền gốc đã vay gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 10%/ năm là đúng với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cần được chấp nhận.

Đối với tiền lãi giấy vay tiền ngày 23/11/2019 và ngày 27/12/2020 không ghi rõ mức lãi suất mà chỉ ghi tự thỏa thuận như vậy thuộc trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định 50% theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự được tính như sau:

- Tiền lãi từ ngày 23/11/2019 đến ngày 27/12/2020 tính trên nợ gốc 600.000.000đ ( *Sáu trăm triệu đồng*) lãi xuất là 10%/ năm:  $600.000.000đ \times 10\%/năm \times 400$  ngày là: 65.753.233 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 28/12/2020 đến ngày 18/4/2022 tính trên số nợ gốc 800.000.000đ ( *Tám trăm triệu đồng*) lãi xuất là 10%/ năm:  $800.000.000đ \times 10\%/năm \times 476$  ngày là: 104.528.767 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 970.082.190 đồng ( *Chín trăm bảy mươi triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi đồng*), trong đó: 800.000.000 đồng ( *Tám trăm triệu đồng* ) tiền gốc + 170.082.190 đồng ( *Một trăm bảy mươi triệu, không trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi đồng*) tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã triệu tập anh Dương Quang Thành là chồng của chị Khương Thị Th, anh Thành xác nhận khoản vay ngày 23/11/2019 và ngày 27/12/2020 là khoản vay riêng của chị Th với chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Anh Tuấn, khoản vay này là do chị Khương Thị Th ký xác nhận vay và có một mình chị Th ký vay nợ với chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Anh Tuấn, khoản vay này không liên quan gì đến anh Dương Quang Thành là chồng chị Th, mục đích vay tiền của chị Th vay dùng mục đích chi cho cá nhân nên không liên quan đến anh Dương Quang Thành.

Số tiền 600.000.000 đồng xuất phát từ giấy vay tiền 20/01/2019 chị Th đã vay của chị Phạm Ngọc Q và anh Tuấn số tiền 400.000.000 đồng ( chữ ký vay tiền chị Th xác nhận là chữ ký của chị Khương Thị Th) sau đó chị Th vay các khoản vay nhỏ khác mỗi lần chuyển khoản là 10 triệu, 20 triệu, 50 triệu.... cộng lại thành 200.000.000 đồng. Nhiều lần chị Q đòi nợ chị Th nhưng chị Th không trả nên hai bên thống nhất đối chiếu công nợ và ký vào hợp đồng vay ngày 23/11/2019. Như vậy ngày 06/12/2021 chị Th thay đổi lời khai chỉ xác nhận là

vay gốc của chị Q 200.000.000 đồng tiền gốc là không phù hợp với những chứng cứ do hai bên giao nộp.

Đối với khoản vay ngày 27/12/2020 gộp khoản vay 600.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 23/11/2019 với 200.000.000 triệu. Giấy vay tiền ngày 27/12/2020 chị Th hẹn chị Q ngày 12/2/2021 trả 50.000.000 đồng và ngày 17/3/2021 trả 100.000.000 đồng, với 2 mốc hẹn trả chị Q không yêu cầu tính lãi quá hạn chỉ yêu cầu tính lãi 10%/ năm vì vậy Tòa án không xem xét. Chị Th cho rằng đối với số tiền 200.000.000 đồng là do chị không trả được lãi nên chị Q và anh Tuấn ép chị cộng cả gốc và lãi thành 800.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ Tòa án nhân dân thành phố L yêu cầu chị Th cung cấp chứng cứ về việc bị chị Q, anh Tuấn ép buộc gộp lãi thành tiền gốc, chị Th không cung cấp được chứng cứ, mặt khác khi thay đổi lời khai chị Th cho rằng chị chỉ còn nợ tiền gốc là 200.000.000 đồng cũng không cung cấp được chứng cứ nợ gốc ban đầu là 200.000.000 đồng. Như vậy toàn bộ lời khai của chị Khương Thị Th mâu thuẫn lẫn nhau. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ngọc Q buộc chị Khương Thị Th trả số tiền gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[3] Về án phí : Do yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ngọc Q được chấp nhận nên chị Khương Thị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Anh Tuấn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Buộc chị Khương Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Anh Tuấn số tiền 970.082.190 đồng( Chín trăm bảy mươi triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi đồng), trong đó: 800.000.000 đồng ( Tám trăm triệu đồng ) tiền gốc + 170.082.190 đồng( Một trăm bảy mươi triệu, không trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.



2. Về án phí: Chị Khương Thị Th phải chịu 41.102.466 đồng ( Bốn mươi một triệu một trăm linh hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Ngọc Qkhông phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Phạm Ngọc Qsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.672.000 đồng ( Mười tám triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000946 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

*"Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND TP Lào Cai (2);
- Dương sự (3);
- THA DS (1);
- Lưu Văn phòng (1)
- Lưu HS (1).

**Nguyễn Thị Kim Dung**